TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1218/2025/DS-PT
Ngày: 18/9/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

Bà Trần Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 761/2025/TLPT-DS ngày 05 tháng 8 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 151/2025/DS-ST ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4632/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 15575/2025/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Sỹ C, sinh năm 1996; địa chỉ: số I, khu T, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã N, tỉnh Lâm Đồng); địa chỉ liên hệ: số C, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Ngọc T, sinh năm 1980; địa chỉ: số A, đường số H, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 16/11/2024), vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Quang V, sinh năm 1959; địa chỉ: số H đường L, tổ C, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Tấn P, sinh năm 1958; địa chỉ: số B, tổ E, ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/12/2024), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1976; địa chỉ: số B, đường số A, khu dân cư H, khu phố G, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Tấn P, sinh năm 1958; địa chỉ: số B, tổ E, ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09/4/2025), có mặt.

- *Người kháng cáo*: Người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Đặng Tấn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Sỹ C là ông Phan Ngọc T trình bày:

Ngày 17/7/2023, ông C có cho ông V vay số tiền 339.000.000 đồng. Lãi suất không được thỏa thuận trong hợp đồng nhưng hai bên có thỏa thuận miệng là 6,5%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng. Để đảm bảo cho khoản vay, ông V đã đưa cho ông C giữ 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 244214, số vào sổ H34843 do UBND thị xã T cấp cho ông V ngày 10/3/2008.

Trong quá trình vay, ông V đã trả tiền lãi cho ông C 02 lần: lần thứ nhất vào tháng 8/2023 là 19.500.000 đồng, lần thứ hai vào tháng 9/2023 là 20.000.000 đồng (tổng cộng 39.500.000 đồng). Khi đến hạn trả nợ gốc, ông V không trả được nên ngày 17/9/2023, hai bên đã làm lại hợp đồng mới với nội dung và số tiền không thay đổi so với hợp đồng ngày 17/7/2023. Kể từ đó đến nay, ông V không trả thêm bất kỳ khoản tiền nào dù đã được ông C yêu cầu nhiều lần.

Vì vậy, ông C khởi kiện, yêu cầu ông V phải trả tổng số tiền là 366.360.000 đồng, trong đó tiền gốc 339.000.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 8/2023 đến tháng 11/2024 là 339.000.000 đồng x 1,6%/tháng x 16 tháng = 86.784.000 đồng – 39.500.000 đồng (tiền lãi ông V đã trả) = 47.284.000 đồng. Ngoài ra, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi đến khi xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ 8/2023 đến tháng 02/2025 là 19 tháng x 339.000.000đ x 0,83%/tháng = 53.460.300 đồng - 39.500.000 đồng (tiền lãi ông V đã trả) = 13.960.300 đồng, ngoài ra ông V tiếp tục trả lãi đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Võ Quang V do ông Đặng Tấn P làm đại diện:

Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông P không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh D:

Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông D không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 151/2025/DS-ST ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Sỹ C đối với bị đơn ông Võ Quang V về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bị đơn ông Võ Quang V có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Sỹ C tổng số tiền 358.209.815đ (Ba trăm năm mươi tám triệu hai trăm lẻ chín nghìn tám trăm mười lăm đồng), trong đó: Tiền gốc 310.751.800đ (Ba trăm mười triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn tám trăm đồng), tiền lãi 47.458.015đ (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn không trăm mười lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần của nguyên đơn ông Nguyễn Sỹ C về việc buộc bị đơn ông Võ Quang V trả số tiền gốc 28.248.200đ (Hai mươi tám triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm đồng).

Buộc ông Nguyễn Sỹ C trả lại cho ông Võ Quang V 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 244214, số vào sổ H34843 do UBND thị xã T cấp cho ông Võ Quang V ngày 10/3/2008.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Đặng Tấn P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Đặng Tấn P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Đặng Tấn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phan Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn cung cấp bản photo chuyển khoản và cho đây là chứng cứ mới và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ nêu trên để xem xét kháng cáo của bị đơn. Tuy nhiên, qua xem xét chứng cứ do ông P xuất trình là bản photo và chứng cứ đã có trong hồ sơ và đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét nên không phải là chứng cứ mới như lời trình bày của ông P.

[3] Nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ là Hợp đồng cho vay tiền ngày 17/7/2023 và Hợp đồng cho vay tiền ngày 17/9/2023. Quá trình tố tụng, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến và người đại diện hợp pháp của ông V xác định có vay nhưng đã trả lãi đầy đủ cho nguyên đơn, số tiền lãi do ông Nguyễn Thanh D chuyển khoản vào tài khoản cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn không phủ nhận chứng cứ do nguyên đơn xuất trình.

[4] Theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 17/7/2023 thì ông C cho ông V vay số tiền 339.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng. Nguyên đơn cho rằng đến hạn trả nợ, bị đơn không trả nên ký lại Hợp đồng cho vay tiền ngày 17/9/2023 với số tiền 339.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền bị đơn vay của nguyên đơn là 339.000.000 đồng, thời hạn vay theo hợp đồng ngày 17/7/2023 là 02 tháng và theo Hợp đồng ngày 17/9/2023 là 02 tháng, hai bên chỉ thỏa thuận tiền lãi trả vào ngày 30 tây hàng tháng chứ không thỏa thuận mức lãi suất. Như vậy, các bên có thỏa thuận về lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 0,83% là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[5] Quá trình tố tụng, nguyên đơn cung cấp sao kê và xác định bị đơn chuyển khoản cho nguyên đơn số tiền lãi là 39.500.000 đồng (ngày 10/8/2023, trả 10.000.000 đồng; ngày 21/8/2023, trả 9.500.000 đồng và ngày 10/9/2023, trả 20.000.000 đồng). Người đại diện hợp pháp cho bị đơn cho rằng trả lãi nhiều hơn số tiền nguyên đơn khai nhưng tại Tòa án cấp sơ thẩm ông P không cung cấp chứng cứ chứng minh ông D chuyển khoản nhiều hơn số tiền mà nguyên đơn khai. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền bị đơn đã trả lãi là 39.500.000 đồng là có căn cứ.

[6] Theo hợp đồng vay tiền, số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn như sau:

Hợp đồng cho vay ngày 17/7/2023 tính từ ngày 17/7/2023 đến ngày 17/9/2023 là 02 tháng x 0,83%/tháng x 339.000.000đ = 5.627.400 đồng.

Hợp đồng cho vay ngày 17/9/2023 tính từ ngày 18/9/2023 đến ngày 17/11/2023 là 02 tháng x 0,83%/tháng x 339.000.000đ = 5.627.400 đồng.Tổng cộng là 11.254.800 đồng.

[7] Như vậy, số tiền lãi ông V đã trả vượt quá mức lãi suất quy định là: 39.500.000 đồng – 11.254.800 đồng = 28.248.200 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã khấu trừ số tiền này vào nợ gốc, xác định số nợ gốc còn lại là: 339.000.000 đồng - 28.248.200 đồng = 310.751.800 đồng. Việc tuyên buộc bị đơn trả số tiền gốc còn lại này là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ tháng 8/2023 đến khi xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, bị đơn đã trả lãi của tháng 10/2023 nên Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi từ ngày 18/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 47.458.015 đồng là có căn cứ.

[9] Để đảm bảo khoản vay, ông V đã giao cho ông C giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 244214, số vào sổ H34843 do UBND thị xã T cấp cho ông Võ Quang V ngày 10/3/2008. Do nghĩa vụ trả nợ đã được giải quyết bằng bản án, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông C trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho ông V là phù hợp.

[10] Người đại diện hợp pháp của bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị đơn không được chấp nhận.

[11] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn là người cao tuổi nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Võ Quang V là ông Đặng Tấn P.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 151/2025/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP (15), 72.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết